

- Công ty Vật liệu xây dựng,
- Công ty Cà phê Yên Bái,
- Công ty Xuất nhập khẩu tổng hợp Yên Bái./.

Căn cứ Nghị định số 86/CP ngày 8 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ về việc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước đối với chất lượng hàng hóa;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Khuyến nông và Khuyến lâm, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm,

CÁC BỘ

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN**

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn số
54/2003/QĐ-BNN ngày 07/4/2003 về
việc ban hành Danh mục giống cây
trồng phải công bố tiêu chuẩn
chất lượng.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa ngày
24 tháng 12 năm 1999;*

*Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01 tháng 11
năm 1995 của Chính phủ Quy định chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 07/CP ngày 05 tháng 02
năm 1996 của Chính phủ về quản lý giống cây
trồng;*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này:

Danh mục giống cây trồng phải công bố tiêu
chuẩn chất lượng.

Điều 2. Trong từng thời kỳ Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn sẽ điều chỉnh tên giống
cây trồng trong Danh mục nêu trên nhằm đáp
ứng nhu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15
ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục
Khuyến nông và Khuyến lâm, Vụ trưởng Vụ
Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm,
Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông
thôn các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung
ương, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, các tổ
chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động
liên quan đến sản xuất, kinh doanh giống cây
trồng tại Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

**KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn**
Thủ trưởng

BÙI BÁ BÔNG

**DANH MỤC GIỐNG CÂY TRỒNG
PHẢI CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN
CHẤT LƯỢNG**

(ban hành kèm theo Quyết định số 54/2003/QĐ-BNN-KNKL ngày 07/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

A. Cây lương thực

1. Cây lúa: các giống lúa sản xuất kinh doanh.
2. Cây ngô: các giống ngô sản xuất kinh doanh.

B. Cây công nghiệp và cây ăn quả

1. Cây lạc: các giống lạc sản xuất kinh doanh.
2. Cây đậu tương: các giống đậu tương sản xuất kinh doanh.
3. Cây chè: giâm cành giống LDP1, LDP2, Shan.
4. Cây điều: các giống điều nhân bằng phương pháp ghép.
5. Cây cà phê: các giống cà phê vối và cà phê chè nhân bằng hạt và ghép.
6. Cây xoài: cây giống xoài: GL1, GL2, GL6, xoài Cát hòa Lộc, xoài Cát Chu nhân bằng phương pháp ghép.
7. Cây nhãn: các giống nhãn Lồng, nhãn Cùi, nhãn Cùi Diếc, nhãn Đường phèn, nhãn Tiêu Da Bò, nhãn Tiêu Lá Bầu, nhãn Xuồng Cơm vàng nhân bằng phương pháp ghép và chiết cành.
8. Cây vải: cây giống vải: Thanh Hà (Thanh Sơn), Phú Hộ nhân bằng phương pháp ghép và chiết cành.

9. Sầu riêng: các giống sầu riêng: Moon Thoong, RI6, sầu riêng Cơm vàng hạt lép nhân bằng phương pháp ghép.

10. Chôm chôm: cây giống chôm chôm: Java, chôm chôm Nhân nhân bằng phương pháp ghép.

11. Cây có múi: (nhân bằng phương pháp ghép và chiết cành).

- Cam: cam Sành, cam Xã Đoài, cam Sông Con.

- Quýt: quýt Tiêu, quýt Đường.

- Bưởi: bưởi Diễn, bưởi Sửu, bưởi Bằng Luân (Đoan Hùng), bưởi Phúc Trạch, Thanh Trà, bưởi Năm Roi, bưởi Đường Lá cam, bưởi Da xanh.

12. Cây Dứa: các giống dứa Cayen và Queen được nhân giống bằng phương pháp tách chồi và phương pháp giâm thân.

13. Cây Măng cụt: giống măng cụt.

C. Cây rau

1. Su hào

Hạt giống su hào các loại sản xuất kinh doanh.

2. Cải củ

Hạt giống cải củ các loại sản xuất kinh doanh.

3. Cải bắp

Hạt giống cải bắp các loại sản xuất kinh doanh.

4. Cà chua

Hạt giống cà chua các loại sản xuất kinh doanh.

5. Dưa chuột

Hạt giống dưa chuột các loại sản xuất kinh doanh.

6. Dưa hấu

Hạt giống dưa hấu thụ phấn tự do và hạt giống dưa hấu lai./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn
Thủ trưởng

BÙI BÁ BỔNG

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 55/2003/QĐ-BNN ngày 09/4/2003 ban hành tạm thời Chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng cơ bản công trình ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 và số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư xây dựng cơ bản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tạm thời Chỉ tiêu suất vốn

đầu tư xây dựng cơ bản công trình Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho một số vùng như sau:

1. Chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng cơ bản công trình thủy lợi phục vụ tưới lúa (Phụ lục 1):

Gồm: Chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng cơ bản công trình hồ chứa, đập dâng, trạm bơm.

2. Chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng cơ bản công trình lâm nghiệp (Phụ lục 2):

Gồm: Chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng cơ bản công trình lâm sinh, giống cây lâm nghiệp cho 1.000 cây tiêu chuẩn và chế biến ván nhân tạo.

Điều 2. Chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng cơ bản công trình Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được ban hành tạm thời cho một số loại công trình thuộc một số vùng là tài liệu tham khảo cho các Dự án đầu tư do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, làm cơ sở tham khảo cho việc ước tính vốn đầu tư xây dựng công trình trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và lập kế hoạch đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, các đơn vị cần tiếp tục nghiên cứu, theo dõi tổng kết, bổ sung số liệu để có căn cứ tiếp tục hoàn thiện chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng cơ bản công trình ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; Thủ trưởng các cục, vụ chức năng thuộc Bộ; Giám đốc các Ban quản lý dự án; các Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn
Thủ trưởng

PHẠM HỒNG GIANG